

## BÀI: NGỮ PHÁP (GRAMMAR)

## UNIT 1: HOME

## MÔN: TIẾNG ANH – ILEARN SMART WORLD - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## Tổng hợp Ngữ pháp Unit 1. Home tiếng Anh 6 iLearn Smart World.

## I. Present Simple (Thì hiện tại đơn)

We use the Present Simple to talk about things that are facts or are true for a long time.

(Chúng ta sử dụng thì hiện tại đơn để nói về những sự thật hoặc những sự việc đúng trong khoảng thời gian dài.)

<b>Affirmative</b> (Khẳng định)	I/ You/ We/ They <b>live</b> in an apartment. (Tôi/ Bạn/ Chúng tôi sống trong một căn hộ.) He/ She/ It <b>lives</b> in a house. (Anh ấy/ Cô ấy/ Nó sống trong một ngôi nhà.)
<b>Negative</b> (Phủ định)	I <b>don't live</b> in a house. (Tôi không sống trong một ngôi nhà.) She <b>doesn't live</b> in an apartment. (Cô ấy không sống trong căn hộ.)
<b>Interrogative</b> (Nghi vấn)	<b>Do</b> you <b>live</b> in a house? (Yes, I do./No, I don't.) <b>Does</b> she <b>live</b> in a house? (Yes, she does./No, she doesn't.)

## II. Wh-questions (Câu hỏi Wh)

- We use the Present Simple and Wh-questions to ask about things that are facts.

(Chúng ta sử dụng thì Hiện tại đơn và câu hỏi Wh- để hỏi về những sự vật, sự việc.)

- Examples (Các ví dụ)

**What** housework do you do?

(Bạn làm việc nhà gì?)

**What** housework does your sister do?

(Chị em gái của bạn làm việc nhà gì?)

**Who** does the shopping?

(Ai đi mua sắm?)

- Trả lời:

I/ You/ We/They **do** the dishes.

(Tôi/ Bạn/ Chúng tôi/ Họ rửa chén/ bát.)

He/ She/ It/ Ken's father **cleans** the kitchen.

(Anh ấy/ Cô ấy/ Nó/ Bố của Ken lau dọn bếp.)

- We can also use short answers.

(Chúng ta cũng có thể dùng câu trả lời ngắn.)

e.g. Who cleans the kitchen? (Ai lau dọn bếp?)

=> My mother./My mother does.

(Mẹ của mình. / Mẹ của mình làm.)

### III. Possessive 's (Sở hữu cách 's)

You can add 's onto a noun or proper noun to show possession.

(Bạn có thể thêm 's vào một danh từ hoặc danh từ riêng để thể hiện sự sở hữu.)

e.g. Ken's mother (mẹ của Ken)